

BÁO CÁO THU CHI QUẢN CƠM 2,000đ SÀI GÒN
THÁNG 04/2023
(Kèm theo bảng chi tiết chi chợ hàng ngày)

| Ngày tháng | Chi tiết | Thu | Chi | Tồn |
|-----------------------------|---|-----------|------------|----------------------|
| Tồn đầu tháng 4/2023 | | | | 3,456,838,446 |
| 01/04/23 | Chị Diễm (Q5) ủng hộ KTX | 1,000,000 | | 3,457,838,446 |
| 01/04/23 | Chị Vy ủng hộ KTX | 500,000 | | 3,458,338,446 |
| 01/04/23 | Tiền bán phiếu com ngày 01/4/23 (328ph). | 656,000 | | 3,458,994,446 |
| 01/04/23 | Chi phí ngày 01/4/23 | | 49,770,000 | 3,409,224,446 |
| 02/04/23 | Anh(chị) Longannt CMTX T9,10,11,12/22 và T01/23 | 2,500,000 | | 3,411,724,446 |
| 02/04/23 | Chị KLHuong CMTX T4 | 200,000 | | 3,411,924,446 |
| 03/04/23 | Chị To Hien Trinh CMTX T4 | 500,000 | | 3,412,424,446 |
| 03/04/23 | Cty Lá Phong (Q11) ủng hộ KTX | 2,000,000 | | 3,414,424,446 |
| 04/04/23 | Chị Nguyen Thi Thuy Linh CMTX T4 | 200,000 | | 3,414,624,446 |
| 04/04/23 | Chị Trâm và bé Louisa ủng hộ KTX | 1,500,000 | | 3,416,124,446 |
| 04/04/23 | Tiền bán phiếu com ngày 04/4/23 (239ph). | 478,000 | | 3,416,602,446 |
| 04/04/23 | Chi phí ngày 04/4/23 | | 1,310,000 | 3,415,292,446 |
| 05/04/23 | Chị ADTB CMTX T4 | 500,000 | | 3,415,792,446 |
| 06/04/23 | Anh Tăng Quân Nam (Q4) CMTX | 3,000,000 | | 3,418,792,446 |
| 06/04/23 | Anh Trung Hón Vỹ ủng hộ KTX | 2,000,000 | | 3,420,792,446 |
| 06/04/23 | Tiền bán phiếu com ngày 06/4/23 (213ph). | 426,000 | | 3,421,218,446 |
| 06/04/23 | Chi phí ngày 06/4/23 | | 4,797,000 | 3,416,421,446 |
| 07/04/23 | Chi phí ngày 07/4/23 | | 2,655,000 | 3,413,766,446 |
| 08/04/23 | Anh(chị) CRCC Asia Hieu ủng hộ KTX | 250,000 | | 3,414,016,446 |
| 08/04/23 | Tiền bán phiếu com ngày 08/4/23 (234ph). | 468,000 | | 3,414,484,446 |
| 08/04/23 | Chi phí ngày 08/4/23 | | 200,000 | 3,414,284,446 |
| 10/04/23 | Anh Mạc Vĩ Nhiên (Q10) ủng hộ KTX | 500,000 | | 3,414,784,446 |
| 10/04/23 | Anh Mạc Vĩnh Hào (Q10) ủng hộ KTX | 500,000 | | 3,415,284,446 |

| Ngày tháng | Chi tiết | Thu | Chi | Tồn |
|------------|---|-----------|-----------|---------------|
| 10/04/23 | Anh Mạc Vĩnh Luân (Q10) ủng hộ KTX | 1,000,000 | | 3,416,284,446 |
| 10/04/23 | Anh Tăng Quân Nam (Q10) ủng hộ KTX | 1,773,000 | | 3,418,057,446 |
| 10/04/23 | Anh Tăng Vĩnh Kiên (Q10) ủng hộ KTX | 1,788,000 | | 3,419,845,446 |
| 10/04/23 | Anh Từ Vương (Q11) ủng hộ KTX | 500,000 | | 3,420,345,446 |
| 10/04/23 | Anh(chị) Nham Carson Tô (USA) ủng hộ KTX | 500,000 | | 3,420,845,446 |
| 10/04/23 | Anh(chị) Tô Khiết Chi (Q10) ủng hộ KTX | 4,016,000 | | 3,424,861,446 |
| 10/04/23 | Chị Tô Mỹ Nghi (Q10) ủng hộ KTX | 1,000,000 | | 3,425,861,446 |
| 10/04/23 | Chị Tô Mỹ Ngọc (Q11) ủng hộ KTX | 1,000,000 | | 3,426,861,446 |
| 10/04/23 | GĐ Minh Thao và các con CMTX T4 | 5,000,000 | | 3,431,861,446 |
| 10/04/23 | Tăng Vĩnh Khang (Q10) ủng hộ KTX | 2,375,000 | | 3,434,236,446 |
| 10/04/23 | Chi phí ngày 10/4/23 | | 480,000 | 3,433,756,446 |
| 11/04/23 | Anh Hồ Văn Minh (Q7) ủng hộ KTX | 2,000,000 | | 3,435,756,446 |
| 11/04/23 | Anh Quang Tô Hà(Q10) ủng hộ KTX | 1,000,000 | | 3,436,756,446 |
| 11/04/23 | Anh Từ Gia Nhẫn (Q11) ủng hộ KTX | 500,000 | | 3,437,256,446 |
| 11/04/23 | Chị Nguyễn Thị Minh Đức (Gò Vấp) ủng hộ KTX | 1,000,000 | | 3,438,256,446 |
| 11/04/23 | Tiền bán phiếu cơm ngày 11/4/23 (221ph). | 442,000 | | 3,438,698,446 |
| 11/04/23 | Chi phí ngày 11/4/23 | | 200,000 | 3,438,498,446 |
| 12/04/23 | Anh Từ Kiên Trí (Q11) ủng hộ KTX | 500,000 | | 3,438,998,446 |
| 12/04/23 | Chị Kim Quyên ủng hộ KTX | 200,000 | | 3,439,198,446 |
| 12/04/23 | Chị Vân (Q10) ủng hộ KTX | 200,000 | | 3,439,398,446 |
| 12/04/23 | CTy CPDV đồ cúng Tâm Linh (Gò Vấp) ủng hộ KTX | 1,000,000 | | 3,440,398,446 |
| 12/04/23 | MTQ có số GD 028386.120423.141040 CMTX T4 | 500,000 | | 3,440,898,446 |
| 13/04/23 | Tiền bán phiếu cơm ngày 13/4/23 (202ph). | 404,000 | | 3,441,302,446 |
| 13/04/23 | Chi phí ngày 13/4/23 | | 310,000 | 3,440,992,446 |
| 14/04/23 | Chị Tô Huệ Linh ủng hộ KTX | 1,000,000 | | 3,441,992,446 |
| 14/04/23 | Chi phí ngày 14/4/23 | | 1,221,000 | 3,440,771,446 |
| 15/04/23 | MTQ ẩn danh ủng hộ KTX | 500,000 | | 3,441,271,446 |
| 15/04/23 | Thanh lý dầu cặn (2 can) | 400,000 | | 3,441,671,446 |

| Ngày tháng | Chi tiết | Thu | Chi | Tồn |
|------------|--|------------|------------|---------------|
| 15/04/23 | Tiền bán phiếu com ngày 15/4/23 (220ph). | 440,000 | | 3,442,111,446 |
| 15/04/23 | Vợ chồng Kim Đức Ngọc (Q12) ủng hộ KTX | 2,000,000 | | 3,444,111,446 |
| 15/04/23 | Chi phí ngày 15/4/23 | | 345,000 | 3,443,766,446 |
| 17/04/23 | Bà Đặng Thị Gái ủng hộ KTX | 1,000,000 | | 3,444,766,446 |
| 17/04/23 | Chị Doit CMTX T4 | 1,000,000 | | 3,445,766,446 |
| 17/04/23 | Chi phí ngày 17/4/23 | | 1,174,000 | 3,444,592,446 |
| 18/04/23 | Tiền bán phiếu com ngày 18/4/23 (188ph). | 376,000 | | 3,444,968,446 |
| 18/04/23 | Chi phí ngày 18/4/23 | | 31,479,271 | 3,413,489,175 |
| 19/04/23 | Anh Hiếu (Q10) ủng hộ KTX | 500,000 | | 3,413,989,175 |
| 19/04/23 | Lãi STK 13T | 50,731,397 | | 3,464,720,572 |
| 19/04/23 | Chi phí ngày 19/4/23 | | 800,000 | 3,463,920,572 |
| 20/04/23 | Nguyen Thi Lan Anh UH sửa chữa QC 2000đ SG | 300,000 | | 3,464,220,572 |
| 20/04/23 | Tiền bán phiếu com ngày 20/4/23 (152ph). | 304,000 | | 3,464,524,572 |
| 20/04/23 | Chi phí ngày 20/4/23 | | 530,000 | 3,463,994,572 |
| 21/04/23 | Anh Thành ủng hộ KTX | 500,000 | | 3,464,494,572 |
| 21/04/23 | Em Nguyen UH sửa chữa QC 2000đ SG | 300,000 | | 3,464,794,572 |
| 21/04/23 | Hoang Hue UH sửa chữa QC 2000đ SG | 200,000 | | 3,464,994,572 |
| 21/04/23 | Luu Que Tran UH sửa chữa QC 2000đ SG | 300,000 | | 3,465,294,572 |
| 22/04/23 | Anh Ngụy Như Nam (Q10) ủng hộ KTX | 500,000 | | 3,465,794,572 |
| 22/04/23 | Chị Le Thi Phuong ANh ủng hộ KTX | 500,000 | | 3,466,294,572 |
| 22/04/23 | Chị Mai (Q2) ủng hộ KTX | 1,000,000 | | 3,467,294,572 |
| 22/04/23 | Chị Trần Ái Phương ủng hộ KTX | 800,000 | | 3,468,094,572 |
| 22/04/23 | Co Ngoc Anh UH sửa chữa QC 2000đ SG | 500,000 | | 3,468,594,572 |
| 22/04/23 | Le Nhat Minh UH sửa chữa QC 2000đ SG | 500,000 | | 3,469,094,572 |
| 22/04/23 | Mai Hau UH sửa chữa QC 2000đ SG | 300,000 | | 3,469,394,572 |
| 22/04/23 | MTQ ấn danh UH sửa chữa QC 2000đ SG | 5,000,000 | | 3,474,394,572 |
| 22/04/23 | Tiền bán phiếu com ngày 22/4/23 (205ph). | 410,000 | | 3,474,804,572 |
| 22/04/23 | Chi phí ngày 22/4/23 | | 150,000 | 3,474,654,572 |

| Ngày tháng | Chi tiết | Thu | Chi | Tồn |
|-------------|---|--------------------|--------------------|----------------------|
| 23/04/23 | Em Nguyen UH sửa chữa QC 2000đ SG | 200,000 | | 3,474,854,572 |
| 23/04/23 | Thai UH sửa chữa QC 2000đ SG | 200,000 | | 3,475,054,572 |
| 24/04/23 | Anh Cao Bao Minh ủng hộ KTX | 2,000,000 | | 3,477,054,572 |
| 24/04/23 | Anh Trung (Q10) ủng hộ KTX | 500,000 | | 3,477,554,572 |
| 24/04/23 | Chị Anh Nguyet ủng hộ KTX | 1,000,000 | | 3,478,554,572 |
| 24/04/23 | Hung Nguyen UH sửa chữa QC 2000đ SG | 5,000,000 | | 3,483,554,572 |
| 24/04/23 | Nha Co Moi UH sửa chữa QC 2000đ SG | 1,000,000 | | 3,484,554,572 |
| 24/04/23 | Chi phí ngày 24/4/23 | | 30,000,000 | 3,454,554,572 |
| 25/04/23 | Lãi T4 ATM | 10,566 | | 3,454,565,138 |
| 26/04/23 | Chị Trương Thu Nguyệt UH sửa chữa QC 2000đ SG | 2,000,000 | | 3,456,565,138 |
| 27/04/23 | Anh Minh Quân UH sửa chữa QC 2000đ SG | 500,000 | | 3,457,065,138 |
| 27/04/23 | Anh Ngụy Như Nam (Q10) ủng hộ KTX | 1,000,000 | | 3,458,065,138 |
| 27/04/23 | Anh Vic UH sửa chữa QC 2000đ SG | 1,000,000 | | 3,459,065,138 |
| 27/04/23 | Chi phí ngày 27/4/23 | | 14,000,000 | 3,445,065,138 |
| 28/04/23 | Anh(chị) Huyen Duc ủng hộ KTX | 3,000,000 | | 3,448,065,138 |
| 28/04/23 | Chị Nguyen Thi Thuy Linh CMTX T5 | 200,000 | | 3,448,265,138 |
| 28/04/23 | MTQ có số GD 645885.280423.190622 ủng hộ KTX | 500,000 | | 3,448,765,138 |
| 28/04/23 | Thanh lý tôn cũ | 70,000 | | 3,448,835,138 |
| 28/04/23 | Chi phí ngày 28/4/23 | | 1,317,000 | 3,447,518,138 |
| 29/04/23 | Chi phí ngày 29/4/23 | | 14,500,000 | 3,433,018,138 |
| Tổng | | 131,417,963 | 155,238,271 | 3,433,018,138 |

| Chi tiết | Thu | Chi | Tồn |
|------------------------------|------------|-----|----------------------|
| * Tồn đầu kì | | | 3,456,838,446 |
| Tiền lãi | 50,741,963 | | |
| CMTX | 13,600,000 | | |
| CMKTX | 62,672,000 | | |
| Tiền bán phiếu (2,202 phiếu) | 4,404,000 | | |

| | | | |
|--------------------------------|--------------------|--------------------|----------------------|
| Tổng chi phí | | 155,238,271 | |
| * Tồn quỹ tháng 04/2023 | 131,417,963 | 155,238,271 | 3,433,018,138 |

**TỔNG HỢP CHI PHÍ THEO NGÀY
THÁNG 04/2023**

| Ngày | DIỄN GIẢI | ĐVT | SỐ LƯỢNG | ĐƠN GIÁ | THÀNH TIỀN |
|------------------|--|-------|----------|-----------|-------------------|
| 01/4/23 | Hỗ trợ tiền thuê nhà qc Cần Thơ(T4/23-->T3/24) | tháng | 12 | 4,000,000 | 48,000,000 |
| | Quạt sàn Hali SNJ96C 80W | cái | 2 | 490,000 | 980,000 |
| | Bún tươi | kg | 15 | | 205,000 |
| | Chuối | kg | | | 150,000 |
| | Măng khô | kg | 3 | 145,000 | 435,000 |
| TỔNG CỘNG | | | | | 49,770,000 |
| 04/4/23 | Thịt heo | kg | 21 | 50,000 | 1,050,000 |
| | Chuối | kg | | | 200,000 |
| | Hành lá | kg | 1 | 20,000 | 20,000 |
| | Ớt | kg | 1 | 40,000 | 40,000 |
| TỔNG CỘNG | | | | | 1,310,000 |
| 06/4/23 | Sạn inox nhỏ | cây | 2 | 25,000 | 50,000 |
| | Mướp | kg | 30 | 5,000 | 150,000 |
| | Đậu đũa | kg | 20 | 7,000 | 140,000 |
| | Cà chua | kg | 10 | 7,000 | 70,000 |
| | Chuối | kg | | | 200,000 |
| | Gas (1 bình 12kg, 3 bình 45kg) | bình | 4 | | 4,187,000 |
| TỔNG CỘNG | | | | | 4,797,000 |
| 07/4/23 | Đùi tỏi gà nhỏ | kg | 45 | 59,000 | 2,655,000 |
| TỔNG CỘNG | | | | | 2,655,000 |
| 08/4/23 | Chuối | kg | | | 200,000 |
| TỔNG CỘNG | | | | | 200,000 |
| 10/4/23 | Chả cá basa tươi | kg | 15 | 32,000 | 480,000 |

| Ngày | DIỄN GIẢI | ĐVT | SỐ LƯỢNG | ĐƠN GIÁ | THÀNH TIỀN |
|------------------|----------------------------|-------|----------|------------|-------------------|
| TỔNG CỘNG | | | | | 480,000 |
| 11/4/23 | Chuối | kg | | | 200,000 |
| TỔNG CỘNG | | | | | 200,000 |
| 13/4/23 | Chuối | kg | | | 200,000 |
| | Hóa chất pha nước rửa chén | kg | | | 110,000 |
| TỔNG CỘNG | | | | | 310,000 |
| 14/4/23 | Phí Điện thoại bàn T3 | tháng | 1 | 40,000 | 40,000 |
| | Phí Internet quán com T3 | tháng | 1 | 280,000 | 280,000 |
| | Cá nục gai | kg | 30 | 29,700 | 891,000 |
| | Phí vc cá | lần | 1 | 10,000 | 10,000 |
| TỔNG CỘNG | | | | | 1,221,000 |
| 15/4/23 | Me | kg | 1 | 25,000 | 25,000 |
| | Cà chua | kg | 10 | 12,000 | 120,000 |
| | Chuối | kg | | | 200,000 |
| TỔNG CỘNG | | | | | 345,000 |
| 17/4/23 | Thịt đùi | kg | 11 | 50,000 | 550,000 |
| | Thịt ba rọi | kg | 9.6 | 65,000 | 624,000 |
| TỔNG CỘNG | | | | | 1,174,000 |
| 18/4/23 | Đồ mài dao | cái | 1 | 30,000 | 30,000 |
| | Hành lá | kg | 1 | 15,000 | 15,000 |
| | Chuối | kg | | | 200,000 |
| | Hỗ trợ quỹ com Cần Thơ | lần | 1 | 30,000,000 | 30,000,000 |
| | Tiền điện T4/2023 | tháng | 1 | 393,692 | 393,692 |
| | Tiền nước T4/2023 | tháng | 1 | 784,479 | 784,479 |
| | In sao kê Quý 1/2023 VCB | trang | 17 | 3,300 | 56,100 |
| TỔNG CỘNG | | | | | 31,479,271 |
| 19/4/23 | Chả hấp ống | kg | 25 | 32,000 | 800,000 |
| TỔNG CỘNG | | | | | 800,000 |

| Ngày | DIỄN GIẢI | ĐVT | SỐ LƯỢNG | ĐƠN GIÁ | THÀNH TIỀN |
|------------------|---|-------|----------|------------|-------------------|
| 20/4/23 | Chuối | kg | | | 200,000 |
| | Mướp | kg | 30 | 6,000 | 180,000 |
| | Bí xanh | kg | 30 | 5,000 | 150,000 |
| TỔNG CỘNG | | | | | 530,000 |
| 22/4/23 | Chuối | kg | | | 150,000 |
| TỔNG CỘNG | | | | | 150,000 |
| 24/4/23 | Hỗ trợ quỹ cơm Dalat | lần | 1 | 30,000,000 | 30,000,000 |
| TỔNG CỘNG | | | | | 30,000,000 |
| 27/4/23 | Sửa chữa (thay tôn, chống thấm, chống dột...) | lần | 1 | 14,000,000 | 14,000,000 |
| TỔNG CỘNG | | | | | 14,000,000 |
| 28/4/23 | Gạch men 40x40 | thùng | 2 | 120,000 | 240,000 |
| | Phí vc gạch | lần | 1 | 30,000 | 30,000 |
| | CB 40A | cái | 1 | 200,000 | 200,000 |
| | Dây CADIVI 60 | mét | 4 | | 77,000 |
| | Ổ cắm 3 châu | cái | 1 | 38,000 | 38,000 |
| | Ổ cắm 2 lỗ 3 châu | cái | 3 | 35,000 | 105,000 |
| | Nước sơn 100gr | hũ | 1 | 11,000 | 11,000 |
| | Bàn chải sắt | cây | 2 | 8,000 | 16,000 |
| | Xi măng | kg | 5 | 8,000 | 40,000 |
| | Sắt V lỗ | cây | 6 | 55,000 | 330,000 |
| | Silicon | chai | 2 | 45,000 | 90,000 |
| | Gạch men | tấm | 2 | 25,000 | 50,000 |
| | Ốc bắt V lỗ | cái | | | 40,000 |
| | Công cắt gạch | lần | 2 | 25,000 | 50,000 |
| TỔNG CỘNG | | | | | 1,317,000 |
| 29/04/23 | Chi lương tháng 4/2023 Lê Tuấn Tú | tháng | 1 | 9,000,000 | 9,000,000 |
| | Chi lương kế toán T4/2023 Loannguyen | tháng | 1 | 4,000,000 | 4,000,000 |
| | Chi lương phụ bếp Đỗ Hoàng Oanh T4/23 | tháng | 1 | 1,500,000 | 1,500,000 |

| Ngày | DIỄN GIẢI | ĐVT | SỐ LƯỢNG | ĐƠN GIÁ | THÀNH TIỀN |
|----------------------------------|-----------|-----|----------|---------|--------------------|
| TỔNG CỘNG | | | | | 14,500,000 |
| TỔNG CỘNG CHI PHÍ THÁNG 4 | | | | | 155,238,271 |